

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai giao dự toán năm 2025 và phân bổ dự toán cho các phòng chuyên môn của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai (bổ sung)

GIÁM ĐỐC SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-STC ngày 13/06/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán bổ sung năm 2025 (bổ sung);

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai giao dự toán năm 2025 và phân bổ dự toán cho các phòng chuyên môn của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai (bổ sung).

(Số liệu chi tiết theo biểu số 01 Thông tư số 61/2017/TT-BTC)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ 1, Trưởng phòng Nghiệp vụ 2, Trưởng phòng Nghiệp vụ 3, công chức, người lao động thuộc Sở; Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở Sở Dân tộc và Tôn giáo; các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Sở Tài chính (b/c);
 - Website Sở Dân tộc và Tôn giáo (công khai);
 - LĐ Ban;
 - Lưu: VT, VP.
- (Lan/VP)



Nguyễn Văn Khang

**DỰ TOÁN THU CHI ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI
CHO CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 108/QĐ-SDTTG ngày 19/6/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Tổng số dự toán được giao	Tiết kiệm 10 % chi CCTL	Dự toán đã phân bổ	Trong đó			
					Văn phòng	Phòng Nghiệp vụ 1	Phòng Nghiệp vụ 2	Phòng Nghiệp vụ 3
A	B	1=2+3	2	3=4+5+5+7	4	5	6	7
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		0	0	0	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.163.055.681	0	3.163.055.681	1.413.055.681	1.750.000.000	0	0
1	Chi quản lý hành chính	3.163.055.681	0	3.163.055.681	1.413.055.681	1.750.000.000	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	267.055.681	0	267.055.681	267.055.681	0	0	0
	Kinh phí bổ sung chi con người	105.055.681		105.055.681	105.055.681			
	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên do sáp nhập	162.000.000		162.000.000	162.000.000			
1.2	Kinh phí không thường xuyên (không tự chủ)	2.896.000.000	0	2.896.000.000	1.146.000.000	1.750.000.000	0	0
	Kinh phí trợ cấp Tết Nguyên đán	1.146.000.000	0	1.146.000.000	1.146.000.000			
	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (Mã 20521)	1.600.000.000	0	1.600.000.000		1.600.000.000		
	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (Mã 20515)	150.000.000	0	150.000.000		150.000.000		

